

Buôn Đến Kiếp Nào Ngươi

kim thanh

1.

Quận Hoài Nhơn, 1969, một năm sau Tết Mậu Thân. Tôi nhận lệnh dẫn một nửa Đại đội 202 CTCT, từ Ba Gi (Qui Nhơn), đại bản doanh của Sư Đoàn 22BB, ra tăng phái cho Trung đoàn 40 –lúc ấy đóng tại Đệ Đức, trên đường Bồng Sơn và Tam Quan. Nửa đại đội được chia làm hai toán. Mỗi toán gồm trên dưới mười người do một chuẩn úy chỉ huy, hằng ngày, theo lịch trình, đi xuống các xã áp thuộc quận, hoặc bằng xe dodge cơ hữu, hoặc thỉnh thoảng, vì lý do an ninh, bằng trực thăng của Sư đoàn I Không Kỳ (1st Cav) Hoa Kỳ, để làm công tác, một cách độc lập, nhưng đôi khi phối hợp với một toán Dân sự vụ Mỹ. Xuống những xã, áp xa xôi, hai toán chúng tôi phải tự bảo vệ lấy, và vì thế được trang bị súng ống tương đối đầy đủ, và các toán viên thường là lính tác chiến lâu năm hoặc bị thương đổi về, có nhiều kinh nghiệm chiến trường. Ít khi phải nhờ đến sự trợ giúp của những đơn vị địa phương quân hay nghĩa quân.

Tôi nhớ buổi sáng hôm đó là ngày 25 tháng 12, đúng lễ Giáng Sinh. Chuẩn úy Hoàng, một trưởng toán, bị bệnh. Tôi phải đi thay, dẫn toán của anh đến ấp Vĩnh Phụng, xã Hoài Xuân –năm dọc, cũng như những xã khác của quận Hoài Nhơn, trên hai bờ sông Lại. Không khí cuối năm vắng ngắt, đơn điệu, đến độ nhàm chán. Tại những vùng quê hẻo lánh Việt Nam thời ấy không có nhà thờ, không tổ chức mừng Giáng Sinh rầm rộ như dân thành thị, Sài Gòn, hay Nha Trang của tôi, chẳng hạn, dù có đạo hay không. Không có tiếng chuông giáo đường ngân nga, rộn rã. Không có, như bây giờ, cây sapin giăng đèn lấp lánh, và ông già Nô-En đứng trước cửa siêu thị, rung chuông leng keng, chúc lễ và phát quà cho trẻ em. Chỉ có một ngôi nhà thờ duy nhất tại thị trấn Bồng Sơn cho toàn quận Hoài Nhơn, và dân Công giáo, từ các xã áp, phải lên đó để dự lễ mỗi sáng Chúa Nhật.

Chúng tôi đến Vĩnh Phụng làm công tác Dân sự vụ và Tâm lý chiến. Như thường lệ. Nghĩa là bắc loa kêu gọi dân trong ấp đến tập họp trên một khoảng đất trống, rộng, và chung quanh có bóng cây xanh mát, gần trụ sở ấp, rất an toàn. Tại đây, họ được y tá khám bệnh thông thường, phát thuốc tại chỗ, hoặc được xe của toán chở về bệnh xá Bồng Sơn trong trường hợp bệnh nặng, cấp cứu... Hay được nghe một toán viên nói chuyện, nhắc nhở: đề cao chính nghĩa quốc gia, kêu gọi đồng bào đừng bỏ xóm làng, “lên núi thoát ly” theo Việt Cộng, đừng “ăn cơm quốc gia thờ ma Cộng sản” v...v... Các em nhỏ được phát kẹo bánh, tập vở, bút mực, và sau đó được tập bài quốc ca VNCH hay những bài hát quen thuộc, ví dụ, tôi nhớ, Việt Nam, Việt Nam nghe từ vào đời... Việt Nam, nước tôi...hay Đây Bạch Đằng giang, sông hùng dũng của nòi giống Tiên Rồng...

Làm xong bấy nhiêu công việc thì đã hết buổi sáng. Tôi cho cả toán nghỉ ngơi, ăn trưa và tự do đi lại trong ấp, nhưng không quá xa, chờ đến giờ trở về Đệ Đức. Còn tôi và một vài anh lính trải poncho nằm trên cỏ, bên gốc cây, ngược nhìn ánh nắng lấp lánh chiếu qua vòm lá và nghe tiếng chim hót líu lo trên cành. Một số toán viên, còn trẻ, xin đi vào nhà dân, để thăm hỏi các cụ già và, tôi đoán, để nhân dịp, tán gẫu với các cô mơn mớn đào tơ, má hồng môi thắm tự nhiên. Thực vậy, theo cặp mắt cá nhân, chủ quan, của tôi, gái Bồng Sơn và Tam Quan nổi tiếng đẹp nhất vùng Bình Định, nếu không muốn nói cả Vùng II Chiến Thuật.

2.

Tôi đang lim dim mắt, miên man suy nghĩ chuyện đời, và một anh lính đang ngêu ngao một bài vọng cổ, thì bỗng một tiếng mìn nổ vang, từ bờ ruộng, không xa chỗ tôi nằm bao nhiêu. Giật mình chồm dậy, chụp vội cây súng, và thấy một làn khói đen tỏa bay trong không gian. Nghe tiếng kêu la của vài em nhỏ hét chạy về phía tôi:

- Ông Thiếu úy ơi, có con nhỏ Út bị thương nằm kia kìa...

Cũng đoán biết được chuyện gì đã xảy ra, cả toán tất tả đi theo các em, về phía cánh đồng, súng cầm tay, trong tư thế sẵn sàng nhả đạn. Đến nơi, thấy nằm gục nửa dưới ruộng, nửa trên bờ, một bé gái, tức “con nhỏ Út”, độ tám, chín tuổi, cao và gầy đét như khúc củi, mình mẩy và mặt mày đầy máu, nhuộm đỏ cả chiếc áo cụt trắng. Mấy đứa trẻ mách:

- Út ra ruộng sớm, mót lúa, đã đạp phải mìn gài sẵn.

Chưa biết của bên nào. Tôi thận trọng, đưa mắt quan sát hiện trường, xem có quả mìn hay lựu đạn nào chưa nổ, hay một tên du kích nào đang rình chờ chúng tôi. Y tá Thám củi xuống, cầm lấy tay Út bắt mạch, rồi đặt ống lên ngực nghe nhịp thở, tiêm một mũi thuốc không tên, mà anh nói để “cầm máu”, và cho uống hai viên aspirine để giảm đau, trong khi tôi choàng tay, cẩn thận, đỡ bé ngồi dậy. Người bé mềm nhũn, miệng rên nho nhỏ, liên tục.

Vì trái mìn bẫy đặt ngược hướng, sợi dây kíp khá dài, và nỗ khi Út đứng khá xa, nên thân thể còn nguyên vẹn, không nát bầy, chỉ bị ghim đầy những miếng sắt li ti. Gương mặt xinh xắn của bé, có vẻ già dặn trước tuổi, lúc ấy xanh như tàu lá, và cặp mắt lơ lơ ngược nhìn tôi. Thám quay sang, kín đáo khẽ lắc đầu, và tôi hiểu. Từ thân thể Út máu tiếp tục chảy từng giọt, chắc bé đau đớn lắm. Bé kêu khất. Tôi mở bi đông, đổ nước vào nắp, cho bé uống vài hớp nhỏ. Vừa suy tính rất nhanh. Tại các ấp, như Vĩnh Phụng, làm gì có trạm cấp cứu, nhân viên y tế, hay thuốc men. Chờ đi Bồng Sơn không kịp nữa, vì bé đã yếu lắm rồi, là người trong vòng tay tôi. Gọi máy PRC 25 về trung đoàn, buổi trưa, không gặp ai. Gọi thẳng Sư đoàn 1st Cav Mỹ xin trực thăng tải thương thì không biết tần số, và tốn thời gian lắm, lại sợ họ không tin mình. Không còn biết làm gì hơn, tôi dùng khăn ướt lau sơ máu trên mặt, trên tay của bé và cầu nguyện cho bé gắng gượng thêm độ nửa giờ nữa thôi – thời gian vừa đủ để xe chúng tôi chờ kịp về tới Bồng Sơn.

Bỗng Út mở to mắt, nhìn thẳng vào tôi, ngỡ ngác, như vừa tỉnh cơn mê từ một cõi nào rất xa xôi. Bé thều thào hỏi:

- Con qua nổi không chú?

Tôi liếc nhanh về phía y tá Thám, rồi gật đầu:

- Qua nổi chứ con! Nếu con hứa là con gượng thêm nửa giờ nữa...

Bé mở hé đôi môi, cố gắng mỉm cười khó khăn, lắc nhẹ đầu, và đáp khẽ:

- Không kịp đâu chú, con biết con không sống nổi, con mệt quá rồi. Khi nãy trong giấc mơ, con có gặp ba cô mặc áo trắng tinh, có hai cánh trên lưng, nói đang chờ để rước con đi...

Rồi Út tiếp, giọng rờ rạc, càng lúc càng nhỏ dần, nhỏ dần:

- Chú ơi, con muốn được ôm, trước khi chết... con là đứa mồ côi, không cha không mẹ, không người thân thích... con ở đợ, mót lúa cho nhà người ta... không có ai thương con hết... con muốn được ôm, một lần này thôi...



Tôi bật khóc, ôm bé vào lòng, hôn lên trán, lên tóc bê bết máu, mà nước mắt tuôn rơi như mưa, chảy xuống ướt chiếc áo trận, hòa lẫn với máu của bé chưa khô. Vừa lúc ấy, trên cặp môi tím ngắt bé như cố nở một nụ cười mãn nguyện. Rồi ngoẹo đầu vào ngực tôi, bé làm động tác muốn giơ hai cánh tay lên, nhưng không đủ sức, lại bỏ xuống, và nửa giây sau, bé từ từ nhắm mắt, và trút hơi thở cuối cùng trong tay tôi. Tất cả diễn ra không đầy bốn phút, từ lúc gặp bé nằm ở bờ ruộng.

Tôi nhẹ nhàng buông xác bé xuống, đặt nằm ngay ngắn trong tấm poncho còn mới của tôi. Bé đã được liệm bằng poncho, giống như một người lính chiến thật sự. Giống như những đồng đội của tôi chết trận, mà tôi được chứng kiến, tại Ban Mê Thuột, Kontum, Phan Thiết... năm nào. Chung quanh, mọi người vẫn đứng yên, lặng thinh, mắt đỏ hoe, kể cả tốp lính địa phương quân vừa kịp đến để chứng kiến cảnh tượng thương tâm này. Tôi biết, cũng như tôi, những người lính, rất chai lì vì phải thường trực thách đố với cái chết cận kề, và định mệnh tàn nhẫn, không khóc dễ dàng. Nhưng trước thân xác gầy guộc, đẫm máu, của Út, một bé gái nạn nhân vô tội của chiến tranh khốc liệt, phi lý, cây cỏ cũng khóc theo, hướng chi người. Khi tôi hỏi, mìn do ai gài, một anh địa phương quân nói lớn, có vẻ tức giận:

- Mìn của mấy thằng du kích Việt Cộng gài đó, ông thầy. Còn ai trồng khoai đất này. Sáng nay, tụi em chưa kịp đi gỡ thì con nhỏ Út ra ruộng sớm, đạp trúng. Tội nghiệp nó quá.

Tôi giao tấm poncho gói xác Út cho nhóm địa phương quân và moi tiền từ bốn túi quần, cộng với tiền gom góp của anh em tự nguyện trong toán, không đếm bao nhiêu, nhưng đoán khá bộn, đưa hết cho trung sĩ trưởng nhóm, và nói:

- Tôi nghe nói bé Út mồ côi, nghèo khổ, nên nhờ các anh mua cái hòm cho bé và làm phước, chôn cất tử tế giùm. Còn thiếu bao nhiêu các anh bù giúp cho.

3.

Trên đường về lại Bồng Sơn, cả toán không ai nói với ai một lời nào. Giống như một lần trước đó không lâu, khi chúng tôi chờ đến bệnh xá quận lỵ một bé trai mười tuổi từ một ấp, xã khác, gần hơn, đã đạp phải lựu đạn - cũng của Việt Cộng – bị thương khá nặng, nhưng sống sót, vì được cứu kịp thời, chỉ phải cưa một chân. Tôi ngồi im, như tượng đá, và mắt vẫn còn cay sè. Đến Bồng Sơn, đi ngang nhà trọ của Thơ Thơ, tôi bảo tài xế dừng lại, chờ tôi mười phút. Nàng mở cửa, thấy quần áo tôi dính đầy máu, hoảng hốt kêu lên:

- Trời ơi, anh bị thương phải không?

Tôi lắc đầu, gượng mỉm cười. Nàng ôm tôi vào lòng, siết chặt, như sợ tôi biến thành mây bay đi, và tôi kể hết câu chuyện bé Út. Nàng vừa nghe vừa rơm rớm nước mắt. Rồi nghẹn ngào nói nhỏ:

- Tội nghiệp bé quá. Tối nay em sẽ thấp nhang khấn vái cho hồn bé được siêu thoát. Sau khi nghe chuyện này, em yêu anh quá, em yêu anh hơn, em yêu anh mãi mãi. Mãi mãi, anh biết không? Cái chết không bao giờ có thể chia lìa hai đứa chúng ta.

Hôm sau, Hoàng hết bệnh, tôi trả lại toán để anh dẫn xuống Vĩnh Phụng tiếp tục công tác thường nhật. Còn tôi, từ đó cho đến ngày rời bỏ Bồng Sơn trở về Bà Gi, tức hơn nửa năm sau, không bao giờ đặt chân lên ấp đó nữa, dù chỉ ghé qua một lần. Để tránh nhớ một trong những kỷ niệm thảm thương nhất, nếu không muốn nói một kỷ niệm thảm thương nhất, trong suốt đời lính. Sau ba tháng, tôi được lệnh của trung đoàn ngưng công tác tại quận Hoài Nhơn, và điều động cả hai toán ra Tam Quan – một quận lỵ nguy hiểm nhất của Bắc Bình Định.

4.

Rồi qua bao nhiêu thăng trầm, trong suốt bốn mươi bảy năm kể từ Noël 1969 đó, tôi cố quên cái chết của bé Út, cũng như của Thơ Thơ – đã gục ngã trên đường di tản tháng 4 năm 1975, khi đoàn người chạy loạn bị Việt Cộng pháo kích. Cố quên và xem tất cả như một dĩ vãng tàn khốc và kỷ niệm thảm thương của chiến tranh, của một thời để yêu và một thời để chết. Cố quên, nhưng không thể được.

Đặc biệt bé Út. Quả thế, cứ mỗi cuối năm khi mùa Giáng Sinh tới, và cứ mỗi lần tôi giơ tay ôm hug ai, thì hình bóng tội nghiệp của bé bỗng dựng lại hiện về trong tâm trí, với thân xác đầy máu và thương tích, với vẻ mặt đau đớn tột cùng, với những lời trời trắng, đứt quãng, “*con muốn được ôm... không ai thương con hết...*” Hỡi ơi, buồn này biết đến kiếp nào mới nguôi? Bé hiện về như một ám ảnh dịu dàng, vời vợi. Như một linh hồn nhỏ mờ côi, trắng tinh như tờ giấy mới, lạc loài giữa trần ai quỷ ma ác độc. Như một quý nhân phù trợ mà hương linh lẻ loi còn mãi lẫn quất bên người, hơn cả chiêm bao, qua suốt nửa thế kỷ. Để cùng với Thơ Thơ – người rất yêu dấu bên dòng sông tương tự ngày nào – nắm tay tôi, dắt đi qua những phong ba của cuộc đời.

Portland, ngày Giáng Sinh, 25/12/2016

Kim Thanh